

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ - ST

Ngày 21 -9 - 2021

*V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng

Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia Phiên tòa: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1988; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh P; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Đường Nelken, số 2.1/4, 84416 Taufkirchen (vils), bang Bayern, Cộng hòa Liên bang Đức.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2021 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P đăng ký kết hôn ngày 12/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh P; việc kết hôn giữa chị và anh P là hoàn toàn tự nguyện trên cơ sở được tự do tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn chị và anh P chung sống cùng gia đình nhà anh P tại thôn K, xã H, huyện L, tỉnh P được hơn 1 tháng thì anh P tiếp tục đi làm tại việc tại Cộng hòa Liên

bang Đức (anh Phí đã sang Đức làm ăn từ trước), chị vẫn chung sống cùng gia đình anh P.

Tháng 02 năm 2018 anh P về Việt Nam, vợ chồng được đoàn tụ nhưng cũng trong thời gian này vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh P có nói với chị sẽ làm thủ tục giấy tờ đưa chị sang Đức ở cùng và làm ăn, nếu không được thì vợ chồng ly hôn. Tháng 3 năm 2018 anh P quay về Đức để làm thủ tục cho chị sang Đức nhưng không được nên chị xin về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 11 năm 2018 chị xuất cảnh sang Đài Loan làm ăn. Từ khi chị sang Đài Loan vợ chồng không quan tâm gì đến nhau và thống nhất nếu không ở được với nhau nữa thì ly hôn. Trong thời gian chị làm việc tại Đài Loan đã nảy sinh tình cảm với anh Lưu Văn B người xã Đ huyện L tỉnh P và đã có thai. Tháng 3 năm 2021 chị về Việt Nam ở cùng với bố mẹ đẻ cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị xác định chị và anh P không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Trong thời gian chung sống cùng gia đình anh P, chị không đóng góp công sức gì cùng gia đình anh P nên không có yêu cầu gì.

Về chi phí ủy thác tư pháp: Chị T phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt nhưng đã có bản tự khai như sau:

Sau quá trình tìm hiểu và được sự nhất trí của hai gia đình anh và chị Đỗ Thị T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 12/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh P; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại thôn K, xã H, huyện L, tỉnh P được hơn một tháng thì anh lại quay trở lại Đức để làm việc. Tình cảm của hai vợ chồng từ lúc kết hôn đến khoảng năm 2017 bình thường, hạnh phúc cho đến tháng 2 năm 2018 khi anh về Việt Nam để làm giấy tờ thủ tục để đón chị T sang bên Đức ở, vợ chồng được đoàn tụ nhưng bắt đầu gặp nhiều trục trặc và nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 3 năm 2018 anh quay lại Đức và thống nhất vấn đề ly hôn với chị T, gia đình anh cũng tạo điều kiện để chị T về sống với bố mẹ đẻ chị T tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh P. Đến tháng 11 năm 2018 chị T làm thủ tục đi Đài Loan làm việc, trong thời gian này vợ chồng không quan tâm, không liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị T gửi đơn xin ly hôn tại Tòa anh thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác định anh và chị T không có con chung, nhưng anh được biết qua người thân thì trong thời gian chị T đi làm ăn ở Đài Loan, chị T

có tình cảm với người khác và hiện tại đang có thai với người này. Do anh chị đã thống nhất ly hôn từ trước nên chị T có thai với ai anh không quan tâm và đề nghị Tòa án giải quyết sớm việc ly hôn cho anh chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, anh và chị T không có tài sản chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Trong thời gian chị T chung sống cùng gia đình anh, chị T không đóng góp công sức gì.

Hiện nay anh đang sinh sống, làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức và do dịch Covid nên anh không có điều kiện về Việt Nam giải quyết ly hôn; anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T vắng mặt anh (Anh đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên câu khởi kiện;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 37. Các Điều 147, 152, 469, 474, 477, 478, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về chi phí ủy thác tư pháp: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại Pên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án có yếu tố nước ngoài; căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án Tộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh P

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, do anh P hiện đang ở nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục quy định tại chương 38 Bộ luật tố tụng dân sự “Quy định chung về giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài” để giải quyết vụ án. Kết quả: Tòa án đã nhận được bản tự khai của anh P; đơn xin xét xử vắng mặt của anh P có chứng thực của Tổng Lãnh sự quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức được gửi theo đường dịch vụ bưu chính. Trong đơn xin xét xử vắng mặt anh P xác nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án (Thông báo số 13/TB-TL-VA ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh P) và đã đọc, biết được các thông tin ghi trên Thông báo. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh P vào ngày 12/5/2016. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh P tại thôn K, xã H, huyện L, tỉnh P được hơn một tháng thì anh P quay trở lại Đức để làm việc (Anh P đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức). Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận cho đến tháng 2 năm 2018 khi anh P về Việt Nam để làm giấy tờ thủ tục để đón chị T sang bên Đức ở nhưng không được, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Tháng 3 năm 2018 anh P quay lại Đức, vợ chồng xa cách từ đó, anh chị đã thống nhất vấn đề ly hôn; gia đình anh P cũng đã đồng ý để chị T về sống với bố mẹ đẻ chị T tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh P. Tháng 11 năm 2018 chị T làm thủ tục xuất cảnh sang Đài Loan làm ăn, từ đó vợ chồng không quan tâm gì với nhau nữa. Trong thời gian làm việc tại Đài Loan chị T đã có quan hệ tình cảm với người khác và đã có thai với người này, anh P có biết việc này nhưng do đã thống nhất về việc ly hôn từ trước nên anh không có ý kiến gì; khi chị T gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án anh P hoàn toàn đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trên thực tế anh chị sống xa cách nhau, chị T cũng đã có thai với người khác. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử quyết định cho chị T ly hôn anh P.

[3] Về con chung: Chị T và anh P không có con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí ủy thác tư pháp: Chi phí ủy thác tư pháp là 1.040.000đ, chị T phải chịu chi phí này.

[7] Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại Pên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 151, Điều 152, khoản 3 Điều 153, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.
2. Về chi phí ủy thác tư pháp: Chị T phải chịu số tiền 1.040.000đ đã chi phí cho việc ủy thác tư pháp.
3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai T số AA/2021/0001776 ngày 04/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh P. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
4. Thời hạn kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại Pên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã H, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thanh

